

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Các tiêu chí đánh giá về mặt kỹ thuật gồm:

| Nội dung đánh giá | | Đạt/Không đạt |
|---|---|---------------|
| 1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ | | |
| <p>Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật chi tiết theo yêu cầu của E-HSMT (không yêu cầu đối với vật tư, phụ kiện).</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa tại Mẫu số 10B trên webfrom làm cơ sở đánh giá E-HSDT. - Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. - Cam kết hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được sản xuất từ năm 2025 đến nay (hoặc theo yêu cầu chi tiết của từng hàng hóa quy định tại chương V của E-HSMT). - Có cam kết trong quá trình giao hàng sẽ cung cấp các tài liệu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) do cơ quan có thẩm quyền hay đại | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Đạt/Không đạt |
|---|--|------------------|
| | <p>diện có thẩm quyền tại nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp đối với tất cả các loại hàng hóa nhập khẩu.</p> <p>+ Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) đối với tất cả các loại hàng hóa.</p> | |
| | <p>- Không đáp ứng một trong các nội dung trên hoặc</p> <p>- Có tối thiểu 01 hàng hóa không đáp ứng 100% các yêu cầu kỹ thuật chi tiết của hàng hóa đó theo yêu cầu tại chương V của E-HSMT.</p> | Không đạt |
| <p>Ghi chú:</p> <p>- Trường hợp hàng hóa không có ký mã hiệu thì nhà thầu ghi “không có” vào cột số (3) - Mẫu số 10B (webform trên Hệ thống). Trường hợp hãng sản xuất có ký mã hiệu nhưng nhà thầu ghi “không có” thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.</p> <p>- Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa phải phù hợp với nội dung tại Mẫu số 10B trên webform của hàng hóa mà nhà thầu cung cấp và đáp ứng yêu cầu về hàng hóa của gói thầu theo chương V của E-HSMT.</p> <p>- Trường hợp tài liệu kỹ thuật của hàng hóa là tiếng nước ngoài nhà thầu phải có bản dịch sang tiếng Việt các nội dung về thông tin, thông số kỹ thuật theo yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa tại Chương V, E-HSMT.</p> <p>- Trong trường hợp phát hiện ra nhà thầu cố tình sửa chữa các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị đánh giá là “không đạt”.</p> <p>- Các thông tin, thông số kỹ thuật theo yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa tại Chương V, E-HSMT chỉ là các thông số cơ bản mang tính chất tham khảo, nhà thầu có thể cung cấp hàng hóa có thông số khác nhưng phải đảm bảo các thông số của hàng hóa nhà thầu dự thầu phải tốt hơn.</p> <p>- Hàng hóa được đánh giá là đáp ứng tốt hơn mức yêu cầu của E-HSMT: Khi hàng hóa đó có tối thiểu 01 thông số kỹ thuật là tốt hơn và không có thông số kỹ thuật nào thấp hơn, kém hơn các thông số kỹ thuật của chính hàng hóa đầy nêu tại chương V của E-HSMT.</p> | | |
| <p>2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa</p> | | |

| Nội dung đánh giá | | Đạt/Không đạt |
|--|--|----------------------|
| Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa | Có đầy đủ các giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý, hiệu quả kinh tế | Đạt |
| | Không có giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hoặc có nhưng không hợp lý | Không đạt |
| 3. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì | | |
| Thời gian bảo hành, thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa | <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bảo hành cho các hàng hóa của gói thầu \geq 12 tháng (hoặc theo thời gian bảo hành yêu cầu tại Chương V hoặc theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất tùy điều kiện nào đến sau) được tính kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ gói thầu đưa vào sử dụng; - Cam kết nếu hàng hóa bị hỏng, không sử dụng được mà không do lỗi của đơn vị sử dụng thì nhà thầu sẽ đổi hàng hóa mới tương đương trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo từ Chủ đầu tư; - Có cam kết, nếu hư hỏng đột xuất, đơn vị bảo hành, bảo trì sửa chữa sẽ có mặt và xử lý sự cố trong vòng 24 giờ, sau khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư; - Kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì. | Đạt |
| | - Không đáp ứng một trong tiêu chí trên. | Không đạt |
| 4. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa | | |
| Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa | Cam kết cung cấp đầy đủ vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa trong thời gian \geq 1 năm. | Đạt |
| | Không có (hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu) cam kết cung cấp đầy đủ vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ | Không đạt |

| Nội dung đánh giá | | Đạt/Không đạt |
|---|---|-----------------------|
| | liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa trong thời gian ≥ 1 năm | |
| 5. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường | | |
| Khả năng thích ứng về địa lý, môi trường | Nhà thầu có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về mặt địa lý và môi trường. | Đạt |
| | Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng yêu cầu. | Không đạt |
| 6. Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết | | |
| Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết | Nhà thầu nêu ảnh hưởng của hàng hoá đối với môi trường, đề xuất biện pháp giải quyết. | Đạt |
| | Nhà thầu trình bày nội dung này hoặc có trình bày nhưng không hợp lý, phù hợp | Không đạt |
| 7. Tiến độ cung cấp hàng hóa | | |
| Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT chào hàng. | Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | Không có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | Không đạt |
| 8. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu | | |
| Nhà thầu có cam kết từ năm 2022 đến nay không bị kết luận vi phạm Uy tín thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. | Nhà thầu có cam kết không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. | Đạt |
| | - Có đầy đủ cam kết đáp ứng yêu cầu. - Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu | Chấp nhận được |

| Nội dung đánh giá | | Đạt/Không đạt |
|---|--|-----------------------|
| (Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu này) | <p>với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này.</p> <p>- Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</p> | |
| | <p>Nhà thầu không có đầy đủ cam kết hoặc cam kết không đúng sự thật hoặc nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia nhưng không thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này.</p> <p>Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP như nêu trên nhưng không thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</p> | Không đạt |
| Kết luận | | Đạt/ Không đạt |